

MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ HÀ NỘI

GS. TS Đặng Kim Chi *

Đặt vấn đề

Hoạt động trong các làng nghề nông thôn Việt Nam là những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp bao gồm các nghề thủ công, các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất vừa và nhỏ với các thành phần kinh tế như hộ gia đình, hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân,... Các hộ và các tổ chức kinh tế này gắn bó chặt chẽ, mật thiết với khu vực nông thôn thông qua việc sử dụng tư liệu sản xuất, vốn và nhân lực ở nông thôn, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn.

Hà Nội kể từ khi sáp nhập tỉnh Hà Tây đã trở thành Thủ đô có diện tích lớn gấp 3 Hà Nội cũ với số dân tính đến cuối năm 2009 đã là 6,5 triệu người. Tốc độ gia tăng dân số trung bình là 2,34% hàng năm. Đây là khu vực dân cư đông đúc, kinh tế - xã hội phát triển liên tục, lâu đời và phát triển nhất châu thổ đồng bằng sông Hồng.

Hà Nội là một địa phương quy tụ nhiều làng nghề và là một nét đặc trưng về văn hoá - xã hội. Hà Nội sau khi mở rộng có tới 1.270 làng có nghề, chiếm khoảng 56% tổng số làng ở khu vực nông thôn. Trong số đó, nếu theo tiêu chí “làng nghề là làng có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia hoạt động làm ra sản phẩm phi nông nghiệp, sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm...” (TT116/2006/TT-BNN) thì hiện nay, Hà Nội có khoảng 255 làng nghề. Làng nghề tại Hà Nội đã góp phần giải quyết việc làm cho khoảng 626.000 người, trong đó số lao động sống và sinh hoạt tại chính các làng nghề là 412.500 người, chiếm gần 66% số lao động tại các làng nghề. Làng nghề Hà Nội đã thực sự góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn Hà Nội theo hướng công nghiệp hoá nông thôn, nâng cao đời sống, tăng thu nhập, góp phần làm ra các sản phẩm tiêu dùng phục vụ xã hội.

Hiện nay, tốc độ đô thị hoá quá nhanh của Hà Nội đã khiến cho rất nhiều làng nghề Hà Nội trở thành “phố nghề”, “phường có nghề” với những đặc sản đã đi vào ký ức của người dân khắp mọi miền đất nước mỗi khi tới Hà Nội như cốm làng Vòng, bánh cuốn Thanh Trì, đậu phụ Hoàng Mai... Tuy vậy, sản xuất làng nghề vẫn tập trung chủ yếu ở ngoại thành với quy mô sản xuất nhỏ, manh mún, trình độ thủ công, tổ chức sản xuất phân

* Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

tán và chủ yếu là hộ gia đình. Hầu hết các cơ sở sản xuất nghề ở các làng nghề gặp khó khăn về mặt bằng sản xuất. Tình trạng phổ biến là sử dụng ngay nhà ở để làm nơi sản xuất. Nhưng làng nghề phát triển, sản xuất kinh doanh được mở rộng thì lượng chất thải gây ô nhiễm phát sinh càng nhiều trong khi đó việc quản lý và xử lý chất thải chưa được chú trọng giải quyết nên tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Vì vậy, mục tiêu giải quyết cấp bách tình trạng ô nhiễm môi trường trong các làng nghề và vùng lân cận nhằm đảm bảo phát triển các làng nghề theo hướng bền vững đang trở thành nhu cầu bức xúc và là thách thức trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn của thành phố.

1. Phân loại các làng nghề Hà Nội theo loại hình sản xuất và sản phẩm

Tuỳ thuộc vào loại hình sản xuất, sản phẩm tạo thành, công nghệ và thiết bị sử dụng mà có thể phân ra các loại làng nghề của Hà Nội như sau:

** Các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm, dược liệu*

Đây là loại hình làng nghề rất phổ biến ở Hà Nội với các sản phẩm rất nổi tiếng. Các làng nghề này tập trung tại các huyện Từ Liêm, Thanh Trì, Thạch Thất, Phúc Thọ, Quốc Oai, Hoài Đức,... Sản phẩm chính là nông sản thực phẩm, dược liệu được chế biến phục vụ đời sống sản xuất và xuất khẩu cũng như làm nguyên liệu cho các quá trình sản xuất khác. Các làng nghề này chủ yếu sản xuất ở quy mô nhỏ lẻ, thủ công và có tính truyền thống. Một vài làng nghề nổi tiếng như giò chả Ước Lễ, cốm làng Vòng, bánh cuốn Thanh Trì, miến dong Dương Liễu, nem Phùng...

** Các làng nghề dệt may, đồ da, vàng mã*

Các làng nghề thuộc lĩnh vực này nằm chủ yếu trên địa bàn ngoại thành Hà Nội và quận Hà Đông. Các sản phẩm chủ yếu như sản xuất vải sợi, may quần áo và các đồ dùng khác, dệt thảm, may bạt, may cặp, may túi da, sản xuất lá quỳ... Trước đây, loại hình làng nghề này thường sản xuất nhỏ lẻ. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây đã hình thành nhiều tổ hợp, hợp tác xã, công ty sản xuất với quy mô lớn. Một số làng nghề tiêu biểu dệt lụa Vạn Phúc, dệt nhuộm Tân Triều, Phùng Xá, dất "vàng quỳ", may đồ giả da Kiều Ky,...

** Các làng nghề gốm sứ*

Các làng nghề gốm sứ tập trung ở huyện Gia Lâm, mặt hàng sản xuất chủ yếu là sứ dân dụng, sứ mỹ nghệ, sứ xây dựng và sứ công nghiệp. Hoạt động của các làng nghề này kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ thương mại và du lịch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm và bảo tồn những nét văn hoá. Một số làng nghề gốm sứ rất nổi tiếng như Bát Tràng, Kim Lan,...

** Các làng nghề mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ*

Các làng nghề thuộc lĩnh vực này có chủ yếu ở các huyện ngoại thành Hà Nội. Các sản phẩm chủ yếu là đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ dân dụng, các sản phẩm mây tre đan xuất khẩu và dân dụng, các loại dây thừng, phen tre nứa... Một số làng nghề tiêu biểu như mây tre đan Trường Yên, sơn mài Hạ Thái, đồ gỗ mỹ nghệ Liên Hà, Vân Hà...

** Các làng nghề cơ kim khí, tái chế phế liệu*

Các làng nghề thuộc lĩnh vực này chủ yếu sản xuất các mặt hàng cơ khí, gia công cơ khí trong lĩnh vực dân dụng và công nghiệp. Một số làng nghề tiêu biểu như Xuân Phương, Dục Tú, Triều Khúc, Phùng Xá, Thanh Thủy.

** Các làng nghề vật liệu xây dựng*

Các làng nghề thuộc lĩnh vực này chủ yếu sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng như gạch, ngói, đồ đá mỹ nghệ, nung vôi,... Một số làng nghề tiêu biểu như làng nghề điêu khắc đá Mai Lâm, Hồng Vân,...

2. Hiện trạng ô nhiễm môi trường tại một số loại hình làng nghề tại Hà Nội

2.1. Đặc trưng ô nhiễm môi trường của làng nghề

Do đặc điểm kinh tế xã hội tại các làng nghề nên vấn đề môi trường và tác động của hoạt động sản xuất nghề tới môi trường mang một số nét đặc trưng sau:

- Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề là hình thái ô nhiễm tập trung trên phạm vi một khu vực (thôn, làng, xã...) ở nông thôn. Khu vực này bao gồm nhiều nguồn ô nhiễm dạng điểm (hộ gia đình, cơ sở sản xuất) gây tác động trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng sống tại khu vực nông thôn đó.

- Ô nhiễm môi trường tại làng nghề mang đậm nét đặc thù của hoạt động sản xuất theo ngành nghề, loại hình sản phẩm và gây tác động trực tiếp đến môi trường đất, nước, không khí trong khu vực dân sinh.

Bảng 1. Các chỉ tiêu đặc trưng trong dòng thải đối với một số loại hình làng nghề [1]

TT	Loại hình làng nghề	Nước thải	Khí thải	Chất thải rắn
1	Chế biến lương thực, thực phẩm	SS, BOD ₅ , COD, ΣN, ΣP, Coliform	Bụi, CO, SO ₂ , H ₂ S, NH ₃ , CH ₄	Chất hữu cơ dễ phân huỷ, phân súc vật
2	Ươm tơ dệt vải đồ da	pH, COD, độ màu, ΣN, kim loại nặng, Cr ⁶⁺ (đối với da)	Bụi, SO ₂ , Cl ₂ , hơi axit	Bùn cặn, chất hữu cơ tổng hợp
3	Tái chế giấy	pH, SS, BOD ₅ , COD, ΣN, ΣP, độ màu	Bụi, SO ₂ , H ₂ S, hơi kiềm	Bùn cặn, bột giấy
4	Tái chế kim loại màu	SS, COD, dầu mỡ, CN ⁻ , kim loại nặng (Cr ⁶⁺ , Zn ²⁺ ,...)	Bụi, hơi kim loại, hơi axit, Pb, Zn, HF, HCl, THC, CO,	Kim loại nặng, pH, cặn sơn
5	Tái chế nhựa	SS, BOD ₅ , COD, ΣN, ΣP, NH ₄ ⁺ , độ màu, dầu mỡ	Bụi, Cl ₂ , NH ₃ , HCl, THC, CO,	Bùn cặn, chất khó phân huỷ
6	Sơn mài, gỗ mỹ nghệ	SS, BOD ₅ , COD, ΣN, độ màu, dầu mỡ	Bụi, THC, SO ₂ , axeton, mùi	Cặn sơn
7	Vật liệu xây dựng	SS, COD	Bụi, CO, SO ₂ , HF	

- Ô nhiễm môi trường tại nhiều làng nghề với các loại hình sản xuất khác nhau trong một khu vực dân cư (tỉnh, huyện, lưu vực sông...) có nhiều khả năng gây tác động lớn với phạm vi rộng, nhiều trường hợp còn nguy hại hơn các cơ sở công nghiệp, nhà máy công nghiệp lớn vì tính phân tán của các nguồn thải và khả năng khó tập trung xử lý nguồn phát sinh ô nhiễm.

- Ô nhiễm môi trường tại làng nghề còn thể hiện rất rõ trong môi trường làm việc (môi trường vi khí hậu) vì điều kiện lao động hạn chế, nhà xưởng chật hẹp, trang thiết bị lạc hậu chấp vá, trang bị bảo hộ thiếu và ý thức tự bảo vệ cũng như bảo vệ môi trường chung của người lao động còn rất yếu.

- Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ảnh hưởng rõ nét không chỉ tới người lao động trực tiếp mà còn tới dân cư, tới các gia đình sống trong và xung quanh khu vực.

2.2. Hiện trạng ô nhiễm môi trường

Kết quả khảo sát hiện trạng môi trường tại một số loại hình sản xuất chính (chế biến nông sản thực phẩm, dệt nhuộm, thủ công mỹ nghệ, tái chế và vật liệu xây dựng) cho thấy:

1. Các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm, nhất là các làng nghề sản xuất tinh bột, nấu rượu, nuôi và giết mổ gia súc có độ ô nhiễm rất cao. Định mức nước thải cho 1 tấn sản phẩm là 60 - 100m³, với tải trọng BOD₅ = 380 - 400kg/tấn sản phẩm, COD = 600 - 650kg/tấn sản phẩm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 100% làng nghề sản xuất chế biến nông sản, thực phẩm thuộc loại ô nhiễm nặng.

2. Các làng nghề繻 tơ, dệt nhuộm sử dụng một lượng lớn nước. Nước thải có độ màu rất cao (COD = 6076mg/l, độ màu = 4110 Pt-Co) đã gây ô nhiễm nước mặt nặng nề, COD nước mặt lên tới 341mg/l.

3. Nước thải của các làng nghề tái chế gia công kim loại chứa kim loại nặng vượt TCCP từ 2,5 - 9 lần.

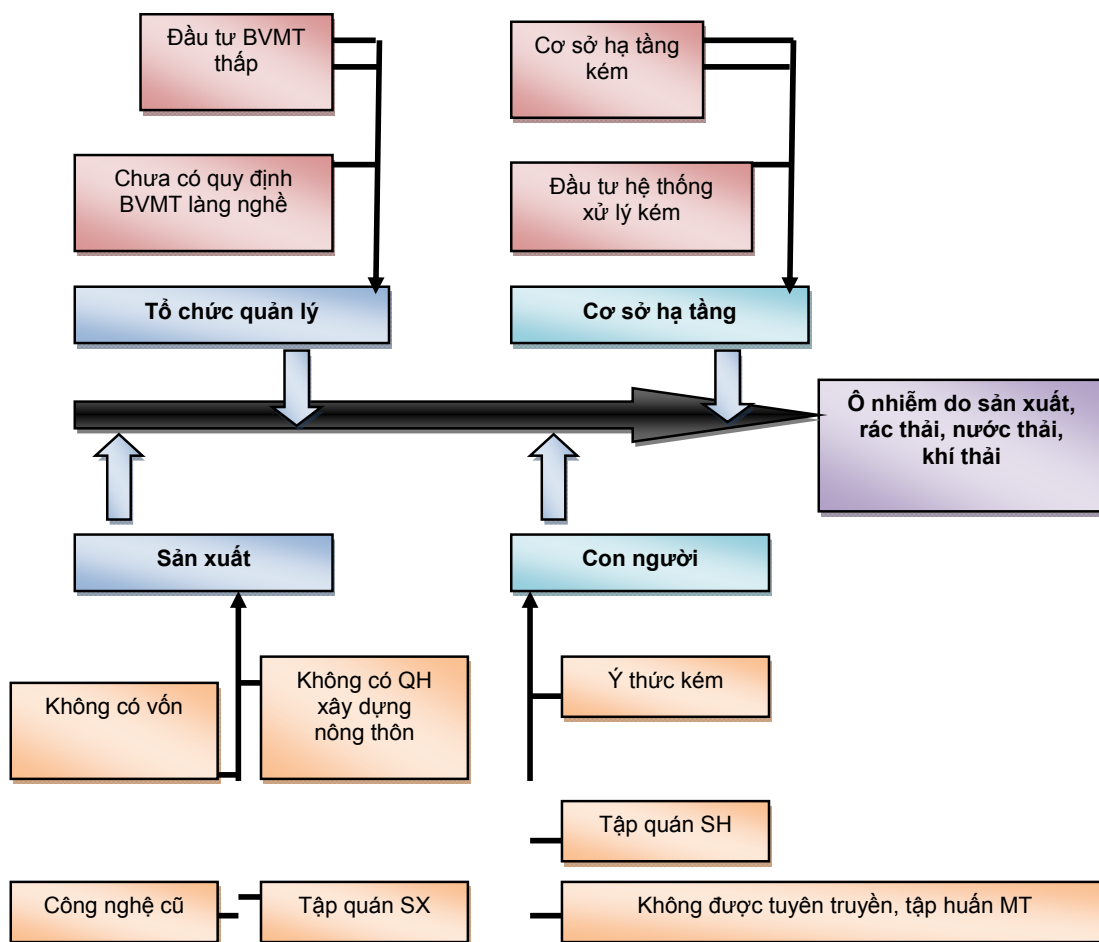
4. Các làng nghề, sản xuất vật liệu xây dựng và gốm sứ gây ô nhiễm môi trường không khí nặng nề. Làng nghề gốm sứ Bát Tràng, Kim Lan với các lò nung gốm kiểu hộp đốt than là nguồn phát thải bụi, khí SO₂, NO_x vượt TCCP nhiều lần.

2.3. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường các làng nghề

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường tại các làng nghề có thể tóm tắt theo mô hình dưới đây:

Sản xuất ở làng nghề phát triển nếu không được quy hoạch và có chính sách bảo vệ tốt môi trường sẽ gây những hậu quả khó lường, gây suy thoái chất lượng môi trường không khí, nước, đất, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh vật sống và đặc biệt là làm suy giảm sức khoẻ cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực.

Trong tương lai, khi mà mức sống của người dân tăng lên, yêu cầu về sức khoẻ cộng đồng trở thành áp lực nặng lên các quá trình sản xuất thì việc phát triển của làng nghề không thể tách rời với việc cải thiện môi trường sống và làm việc. Điều này được đảm bảo bằng các văn bản pháp luật ra đời và thay đổi theo chiều hướng ngày càng nghiêm khắc hơn trong các vấn đề môi trường.



Hình 1. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường làng nghề [2]

3. Những tồn tại gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường làng nghề Hà Nội

Những tồn tại từ nhiều năm qua trong quá trình phát triển làng nghề có thể coi là những thách thức làm cho chất lượng môi trường nhiều làng nghề ngày càng suy giảm, ảnh hưởng không nhỏ không chỉ tới sự phát triển sản xuất bền vững ở làng nghề, mà của cả nền kinh tế đất nước, tạo nên những rào cản trong việc áp dụng các chính sách và biện pháp BVMT tại làng nghề Việt Nam. Có thể tóm tắt một vài điểm chính, đó là:

3.1. Quy mô sản xuất nhỏ, tự phát phần lớn ở quy mô hộ gia đình (chiếm 72% tổng số cơ sở sản xuất)

Quy mô sản xuất tại nhiều làng nghề là quy mô nhỏ, khó phát triển vì mặt bằng sản xuất chật hẹp xen kẽ với khu vực sinh hoạt. Sản xuất càng phát triển thì nguy cơ lấn chiếm khu vực sinh hoạt, phát thải ô nhiễm tới khu dân cư càng lớn, dẫn đến chất lượng môi trường khu vực càng xấu đi.

3.2. *Nếp sống tiểu nông của người chủ sản xuất nhỏ có nguồn gốc nông thôn đã ảnh hưởng mạnh tới sản xuất tại làng nghề, làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường*

Không nhận thức được tác hại lâu dài của ô nhiễm, chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt, các cơ sở sản xuất tại làng nghề thường lựa chọn quy trình sản xuất thô sơ tận dụng nhiều sức lao động, trình độ thấp. Hơn thế, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng các nhiên liệu rẻ tiền, hoá chất độc hại (kể cả đã cấm sử dụng) để nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, thiếu đầu tư phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động, điều kiện lao động rất thấp làm tăng mức độ ô nhiễm tại đây.

3.3. *Quan hệ sản xuất mang đặc thù của quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, sử dụng nhiều lao động phụ mọi lứa tuổi*

Nhiều làng nghề đặc biệt là các làng nghề truyền thống, sản xuất theo kiểu "bí truyền", giữ bí mật cho dòng họ, tuân theo "hương ước" không cải tiến áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nên cản trở việc áp dụng giải pháp kỹ thuật mới, không muốn khuyến khích sáng kiến của người lao động mang hiệu quả BVMT.

Làng nghề là khu vực sử dụng lao động có tính gia đình và lao động mọi lứa tuổi từ trẻ em đến người già, phụ nữ đều tham gia. Tại một số làng nghề, phụ nữ lao động chiếm tỷ lệ khá cao. Vì vậy, ô nhiễm môi trường tại làng nghề ảnh hưởng xấu đến mọi lứa tuổi và giới tính.

3.4. *Công nghệ sản xuất và thiết bị phần lớn ở trình độ lạc hậu chấp vá, kiến thức tay nghề không toàn diện*

Hầu hết các làng nghề sản xuất với công nghệ và thiết bị lạc hậu, điều này dẫn tới tiêu hao nhiều nhiên nguyên liệu, làm tăng phát thải nhiều chất ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và chất lượng môi trường. Trình độ kỹ thuật ở các làng nghề chủ yếu là thủ công, bán cơ khí.

3.5. *Vốn đầu tư của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề quá thấp, khó có điều kiện phát triển hoặc đổi mới sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường*

Sản xuất mang tính tự phát nên không có kế hoạch lâu dài, khó huy động tài chính và vốn đầu tư lớn từ các nguồn khác (quỹ tín dụng ngân hàng) nên khó chủ động trong đổi mới kỹ thuật và sản phẩm, lại càng không muốn và không thể đầu tư cho xử lý môi trường. Đầu ra sản phẩm phụ thuộc nhiều vào nhu cầu của thị trường

3.6. *Trình độ người lao động, chủ yếu là lao động thủ công, văn hoá thấp, học nghề theo kinh nghiệm nên ảnh hưởng tới nhận thức đối với công tác BVMT, hạn chế năng suất lao động và chất lượng sản phẩm*

Theo điều tra của Bộ NN&PTNN thì chất lượng lao động và trình độ chuyên môn kỹ thuật ở các làng nghề nhìn chung còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, số lao động chỉ tốt nghiệp cấp I, II chiếm trên 60%. Mặt khác đa số người lao động có nguồn gốc nông dân nên chưa có ý thức về môi trường lao động, chỉ cần việc làm có thu nhập cao hơn thu nhập từ nông nghiệp hoặc bổ sung thu nhập trong những lúc nông nhàn, nên ngại học hỏi, không quan tâm tới công tác BVMT...

3.7. Nhiều làng nghề chưa quan tâm tới xây dựng cơ sở hạ tầng cho BVMT

Do tính cạnh tranh đối với một số loại hình sản xuất đã thúc đẩy dân làng nghề phải đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất. Tuy nhiên, đây không phải là đầu tư cho kỹ thuật bảo vệ môi trường. Vì vậy, hầu hết các cơ sở đều không có các hệ thống xử lý chất thải trước khi ra môi trường.

Hầu hết các làng nghề không có đủ cơ sở hạ tầng để thu gom và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường như không có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, không có bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, không chú ý đầu tư phương tiện thu gom quản lý chất thải nguy hại. Đây là một thách thức lớn, vì để khắc phục điều này đòi hỏi nhiều kinh phí, trong khi người dân làng nghề không có đủ khả năng đầu tư.

3.8. Quan hệ giữa cán bộ trong hệ thống chính quyền địa phương, giữa các hộ không sản xuất với các hộ sản xuất tại làng nghề có nhiều gắn bó về tình cảm

Chịu ảnh hưởng nặng của phong tục tập quán “phương Đông”, cộng đồng dân cư trong các làng nghề, kể cả cán bộ quản lý chính quyền cấp thôn, xã gắn bó với nhau bởi quan hệ họ hàng, dòng tộc, “hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau”... Vì vậy, họ thường ngại khi áp dụng các biện pháp chính quyền và luật pháp đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề gây ô nhiễm, ngại xung đột do quan hệ họ hàng, làng xóm.

4. Hiện trạng quản lý môi trường tại các làng nghề

Mặc dù trong những năm vừa qua đã có rất nhiều hoạt động từ xây dựng chính sách BVMT, chính sách hỗ trợ BVMT, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, các mô hình quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường tại nhiều làng nghề và bước đầu đã có những tác dụng tích cực. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cộng đồng dân cư tại các làng nghề tại Hà Nội cho thấy còn nhiều hạn chế trong quản lý môi trường làm ảnh hưởng tới các hoạt động bảo vệ môi trường, ví dụ như:

4.1. Thông tin từ hệ thống văn bản pháp lý và các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề chưa được thực thi hiệu quả

Nếu áp dụng đầy đủ và nghiêm túc các văn bản pháp lý hiện có thì sẽ cải thiện đáng kể nhận thức về công tác bảo vệ môi trường của các hộ sản xuất nghề và hạn chế được các hành vi gây ô nhiễm. Tuy nhiên tại nhiều làng nghề hệ thống văn bản pháp lý chưa được cập nhật, phổ biến. Ngay tại địa phương có làng nghề (cấp xã), các văn bản pháp lý này có rất ít và không được phổ biến đến các hộ sản xuất nghề. Địa phương cũng thiếu sự hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý môi trường các cấp trong công tác truyền thông môi trường.

Hiện nay nhiều làng nghề của Hà Nội đã xây dựng được hương ước, quy ước chung của làng có những khoản mục về bảo vệ môi trường, cho dù những quy định này vẫn ở mức độ đơn giản. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương có làng nghề cũng ban hành những quy định riêng về bảo vệ môi trường đối với địa phương nói chung và đối với các hoạt động sản xuất nghề nói riêng. Tuy nhiên, các quy định này thường không được thực thi một cách hiệu quả hoặc chưa quy định rõ các hình thức xử phạt đối với các hộ sản xuất nghề gây ô nhiễm vi phạm các điều lệ trong hương ước, quy ước. Mặt khác, hương ước, quy ước là những đề xuất của các làng nghề nên không có tính chất pháp lý. Vì thế, đó chưa phải là chế tài pháp lý hoàn chỉnh để hạn chế hành vi gây ô nhiễm môi trường của các hộ sản xuất nghề.

4.2. Hạn chế trong thẩm quyền và năng lực quản lý của địa phương đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường của cơ sở sản xuất

Vấn đề bảo vệ môi trường tại các làng nghề chưa được chính quyền địa phương xem xét như một mục tiêu quan trọng trong công tác quản lý. Chính vì thế việc đầu tư thời gian và các nguồn lực nhằm kiểm soát ô nhiễm trong sản xuất của làng nghề vẫn bị xem nhẹ. Trừ một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, còn hầu hết các làng nghề chưa được có, không thường xuyên có các cán bộ quản lý môi trường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát môi trường hoặc hỗ trợ các hộ sản xuất làng nghề thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Nhiều lý do được nêu ra như lực lượng cán bộ quá mỏng; ở nhiều làng nghề, vấn đề môi trường chưa đến mức bức xúc.

Nhiều làng nghề đã xảy ra xung đột môi trường hoặc khiếu kiện kéo dài, vượt cấp nhưng chưa được chính quyền và cơ quan quản lý môi trường giải quyết kịp thời và triệt để. Một số làng nghề còn xảy ra hiện tượng cán bộ địa phương hoặc cán bộ quản lý môi trường có hành vi bao che, dung túng cho việc gây ô nhiễm của một số hộ sản xuất nghề, không giải quyết nghiêm túc các kiến nghị, khiếu kiện của người dân làng nghề đối với các hành vi gây ô nhiễm của một số cơ sở sản xuất nghề.

Đối với chính quyền địa phương (cấp thôn, xã), năng lực quản lý môi trường còn rất hạn chế (cả về kiến thức và nhận thức trong công tác bảo vệ môi trường), chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của làng nghề. Kiến thức về môi trường và nhận thức trong công tác bảo vệ môi trường của các cán bộ địa phương còn rất hạn chế.

Thiếu chế tài trong việc kiểm tra và xử phạt các hành vi gây ô nhiễm môi trường của các hộ sản xuất nghề. Các quy định xử phạt các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo Nghị định số 117/2009/NĐ-CP đối với cấp xã còn quá hạn chế; không có thẩm quyền kiểm tra, xử phạt đối với các cơ sở sản xuất nằm ở các cụm, khu công nghiệp liền kề địa phương gây ô nhiễm cho làng nghề.

4.3. Nguồn tài chính, trợ giúp kỹ thuật và cung cấp thông tin về kỹ thuật và công nghệ mới thân thiện môi trường rất ít ỏi tại làng nghề

Việc xây dựng hệ thống thoát nước thải chung của làng nghề cũng như xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung không thể thực hiện được nếu không có nguồn tài chính từ Chính phủ hoặc các nhà tài trợ. Ngay cả công tác vệ sinh môi trường của làng nghề cũng thiếu hụt nguồn kinh phí để duy trì. Phần lớn các làng nghề phải thu phí từ các hộ dân để chi phí cho công tác thu gom rác thải và vệ sinh môi trường. Do thiếu kinh phí nên công tác truyền thông môi trường và phụ cấp cho những người kiêm nhiệm công tác môi trường rất ít dẫn đến thiếu hiệu quả trong hoạt động.

Phần lớn các hộ sản xuất nghề trong khu vực nghiên cứu có quy mô sản xuất nhỏ nên không đủ nguồn lực tài chính đầu tư cho các hệ thống xử lý ô nhiễm. Phần lớn các hộ sản xuất nghề mua máy móc, thiết bị thiếu đồng bộ, cải tiến theo kinh nghiệm nên quá trình sản xuất tiêu tốn nhiều hơn nguyên nhiên liệu đầu vào và hiệu quả sản xuất thấp, lượng chất thải phát sinh sẽ nhiều hơn. Việc tiếp cận các nguồn thông tin mới về công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện môi trường còn thiếu. Những cố gắng trong việc cung cấp thông tin về nguồn tài trợ kinh tế và kỹ thuật tới các làng nghề còn hạn chế. Chỉ có một vài làng nghề có tiếng hoặc về ô nhiễm, hoặc về sản phẩm làng nghề nhận được

những tài trợ nhỏ về tài chính và hỗ trợ kỹ thuật trong xử lý ô nhiễm và truyền thông môi trường. Còn lại phần lớn các làng nghề không tiếp cận được với các nguồn thông tin này.

4.4. Sự nhận thức, quan tâm và tham gia của các hộ sản xuất nghề trong bảo vệ môi trường còn hạn chế

Đối với các hộ sản xuất nghề nhỏ, họ cho rằng đã sản xuất thì phải gây ô nhiễm, đó là tất yếu của làng nghề. Những hộ sản xuất này thường thoái thác trách nhiệm, họ không thừa nhận những hành vi gây ô nhiễm và thường bao biện theo những quan điểm cá nhân.

Sự quan tâm của các hộ sản xuất nghề trong cố gắng giảm thiểu ô nhiễm rất hạn chế, thậm chí còn cố tình gây ô nhiễm. Hầu hết các hộ sản xuất chỉ quan tâm đến kết quả sản xuất mà không chú ý đến các hành vi xả thải, cho dù hậu quả của các hành vi này là gây ô nhiễm trong môi trường làm việc của chính cơ sở sản xuất, cho cộng đồng dân cư xung quanh và cho các thành phần môi trường chung.

Sự thiếu am hiểu pháp luật về môi trường và thiếu thông tin tư vấn hầu hết các hộ sản xuất gây ô nhiễm chưa thực hiện các quy định pháp lý về bảo vệ môi trường hay tuân thủ những quy định về xả thải và đảm bảo chất lượng môi trường xung quanh. Hầu hết các cơ sở sản xuất của làng nghề đầu tư rất ít cho công tác bảo vệ môi trường. Chính vì thế, công tác bảo vệ môi trường bị xem nhẹ trong quá trình sản xuất cũng như mức độ ô nhiễm ngày càng gia tăng theo quy mô sản xuất.

4.5. Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong BVMT làng nghề còn chưa phổ biến và có hiệu quả thấp

Các làng nghề thường ở các khu vực nông thôn, do đó những mối quan hệ trong cộng đồng dân cư làng nghề thường mang nặng quan điểm tình cảm như quan hệ họ hàng, xóm giềng,... Chính vì vậy mà những người dân này thường bàng quan, né tránh trong việc phản ánh các hành vi gây ô nhiễm của các cơ sở sản xuất nghề.

Đối với các làng nghề bị ô nhiễm nặng nề, người dân mới có những phản ứng sau khi chịu tác động tiêu cực từ ô nhiễm. Tuy nhiên, những phản ứng của người dân đôi khi mang tính tiêu cực, thiếu sự xây dựng cũng như thiếu nỗ lực trong hợp tác với chính quyền và các cơ sở sản xuất nghề tìm giải pháp giảm thiểu ô nhiễm.

Đối với những làng nghề có quy mô sản xuất nhỏ, mức độ ô nhiễm còn chưa cao thì người dân ít tham gia trong việc phản ánh, giám sát các hành vi gây ô nhiễm của các hộ sản xuất nghề nếu khu vực họ sinh sống không hoặc ít bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm. Thiếu sự tham gia của cộng đồng dân cư khu vực làng nghề là một trong những nguyên nhân hạn chế nỗ lực giảm thiểu ô nhiễm của làng nghề.

5. Định hướng giải pháp khắc phục các tồn tại trong quản lý môi trường nhằm phát triển bền vững làng nghề của Hà Nội

Dưới đây là những đề xuất có tính chất tổng hợp còn định hướng, và trên cơ sở đó có thể cụ thể hoá cho những biện pháp và chính sách cần áp dụng đối với các làng nghề của Hà Nội như sau:

5.1. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý và những quy định trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề phù hợp với đặc thù của làng nghề

- Bổ sung vào hệ thống văn bản pháp lý của Trung ương và của Hà Nội về công tác bảo vệ môi trường cụ thể đối với các làng nghề, địa phương như các Thông tư, quy chế BVMT làng nghề theo từng loại hình sản xuất và đặc thù của địa phương, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn pháp luật sao cho phù hợp với đặc thù của làng nghề.

- Tăng cường công tác truyền thông đưa các văn bản pháp luật vào trong thực tiễn đời sống sản xuất của các làng nghề, đến được cộng đồng dân cư tại làng nghề.

- Tiếp tục phát triển và duy trì việc lồng ghép các hoạt động bảo vệ môi trường vào hương ước.

5.2. Nâng cao năng lực quản lý môi trường của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý môi trường các cấp trong quản lý môi trường làng nghề

- Tăng cường các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của các cơ quan chính quyền cấp xã, thôn có làng nghề.

- Tăng thẩm quyền quản lý và chế tài xử phạt các hành vi gây ô nhiễm của cơ sở sản xuất nghề đối với chính quyền địa phương có làng nghề.

- Bổ sung biên chế cán bộ quản lý môi trường đối với chính quyền cấp xã có làng nghề.

5.3. Cung cấp tài chính và hỗ trợ kỹ thuật trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

- Tăng thêm ngân sách cho công tác quản lý môi trường tại các làng nghề.

- Khuyến khích ưu đãi tài chính cho các hoạt động liên quan đến cải thiện môi trường làng nghề (ví dụ giảm thuế, giảm lãi suất cho vay vốn đầu tư cho các hoạt động bảo vệ môi trường, khuyến khích hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống...). Kêu gọi các nguồn hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, các quỹ bảo vệ môi trường cho việc đầu tư các công trình xử lý ô nhiễm và truyền thông môi trường tại các làng nghề, ưu tiên đối với các hộ sản xuất nhỏ vốn đầu tư còn ít.

- Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho việc kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, tạo mối liên hệ tốt giữa các cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý môi trường các cấp với các làng nghề. Hỗ trợ việc cung cấp thông tin về công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, các biện pháp sản xuất sạch hơn, công nghệ xử lý chất thải phù hợp đối với đặc thù của các hộ sản xuất nghề.

5.4. Nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia của các hộ sản xuất nghề trong việc giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nghề

- Nâng cao nhận thức của các hộ sản xuất nghề trong công tác bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất và thông qua các chương trình đào tạo phổ biến thông tin về ô nhiễm môi trường và tác động của ô nhiễm trong sản xuất nghề đối với sức khỏe và môi trường sinh thái. Có thể coi các hộ sản xuất tại làng nghề “vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân” của các vấn đề tác động xấu tới môi trường làng nghề.

- Khuyến khích sự tham gia của các hộ sản xuất nghề trong việc giảm thiểu ô nhiễm của cơ sở sản xuất nói riêng và cả làng nghề nói chung. Tổ chức các cuộc thi về sản phẩm thân thiện môi trường, các danh hiệu “cơ sở sản xuất xanh”, “làng nghề xanh”, các hoạt động du lịch làng nghề, tham gia các hoạt động kiểm tra, trao đổi kinh nghiệm giảm thiểu ô nhiễm trong sản xuất.

5.5. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong kiểm soát và quản lý môi trường làng nghề

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề, đưa giáo dục bảo vệ môi trường làng nghề vào các trường học phổ thông, lồng ghép vào các hoạt động của họ hàng, dòng tộc, đoàn thể thanh niên, phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội khuyến học của làng nghề.

- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc kiểm soát và quản lý môi trường làng nghề. Thông qua sự ủng hộ của cộng đồng dân cư tại làng nghề như của các tổ chức quần chúng, của dòng họ, gia tộc cũng như của bà con láng giềng, của chính quyền địa phương đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất.

- Tổ chức giao lưu trao đổi kinh nghiệm về các biện pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước sử dụng trong sản xuất, giảm phát sinh chất thải trong quá trình sản xuất giữa các nhóm làng nghề cùng loại hình sản xuất như các làng nghề thủ công mỹ nghệ, sản xuất và tái chế kim loại, chế biến nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, tái chế giấy...

Kết luận

Các làng nghề tại Hà Nội đang trong quá trình phát triển đã phần nào phải trả giá cho những tác động xấu từ hoạt động sản xuất tới môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Hiện trạng môi trường và những tồn tại trong quản lý môi trường tại các làng nghề của Hà Nội hiện nay cho thấy để phát triển các làng nghề bền vững trong tương lai, cần thiết phải có những chính sách và biện pháp tổng hợp nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường. Một điều rất rõ ràng là môi trường làng nghề chỉ thực sự được cải thiện khi cộng đồng dân cư trong làng nghề nhận thức được sự cần thiết và với vị trí trách nhiệm của mình dù là chủ cơ sở sản xuất, hay là các cán bộ quản lý, chính quyền địa phương hay bà con dân cư sinh sống tại làng nghề đều có các hành động cụ thể tích cực góp phần từng bước giảm thiểu các tác động ô nhiễm do hoạt động sản xuất. Việc xây dựng những chính sách phù hợp với đặc thù của làng nghề là điều hết sức cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động bảo vệ môi trường cũng như vai trò của truyền thông môi trường là rất quan trọng góp phần cung cấp thông tin, cầu nối giữa các đối tượng trong cộng đồng dân cư làng nghề cũng như giữa các làng nghề với nhau nhằm góp phần phát triển làng nghề bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo Môi trường Quốc gia 2008*, "Môi trường làng nghề Việt Nam".
2. Cục Kiểm soát Ô nhiễm - Tổng cục Môi trường, *Dự án "Kiểm soát Ô nhiễm Môi trường" nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2 - 2009*.
3. Chi Cục BVMT Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, *Báo cáo kết quả quan trắc Môi trường một số làng nghề Hà Nội*, 2000.
4. IUCN - Chương trình Môi trường nước Mê Kông, *Báo cáo "Làng nghề Bắc Đuống"*, 2010.